

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2024

V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Kiêm

2. Ông: Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: bà Vi Thi Lan Phương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2004 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 2000 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án tại đội 34, phân trại số B, trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Mạnh T1 vào ngày 26 tháng 12 năm 2022, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6 năm 2023 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 chơi bời không tu trí làm ăn, không quan tâm tới vợ, con, đến tháng 02/2024 anh T1 vi phạm pháp luật bị bắt và xét xử về "Tội trộm cắp tài sản", hiện nay anh T1 đang chấp hành án tại Trại giam Q, huyện S, Tuyên Quang. Từ khi anh T1 đi chấp hành án đến nay chị chưa đến thăm gặp anh T1 lần nào. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng chị xin ly hôn anh T1;

Về con chung vợ chồng chị có 01 con chung Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 10/4/2023, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện tại cháu đang ở với chị T. Nay ly hôn chị xin được nuôi con không yêu cầu anh anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản khai của anh Nguyễn Mạnh T1 trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào ngày 26 tháng 12 năm 2022, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2024 do anh vi phạm pháp luật bị bắt và xét xử về “Tội trộm cắp tài sản”, đến nay phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Q; S, Tuyên Quang. Từ khi anh đi chấp hành án đến nay, chị T chưa đến thăm gặp lần nào. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn anh đồng ý;

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung Nguyễn Mạnh C1, sinh ngày 10/4/2023 như chị T trình bày là đúng, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện tại cháu đang ở với chị T. Nay ly hôn chị T xin được nuôi con không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T1.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 10/4/2023; Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

Về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về tiền án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định.

Về quyền kháng cáo. đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn là anh Nguyễn Mạnh T1, xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn anh T1 có nơi thường trú xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được tổng đạt hợp lệ; Đều có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng với anh Nguyễn Mạnh T1 vào ngày 26/12/2022, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại điều 9 luật hôn nhân & gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 2/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 mãi chơi, không tu trí làm ăn, không quan tâm tới vợ, con đã được gia đình hoà giải nhưng anh T1 không thay đổi. Nay chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý; Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh T1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được việc chị T xin ly hôn là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T1.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 10/4/2023; nay chị T, anh T1 đều thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu. Xét thấy anh T1 hiện đang chấp hành án tại Trại Giam, không có điều kiện nuôi con, cháu C đang ở với chị T ổn định, chị T có nguyện vọng nuôi cháu, nay chị T, anh T1 đều nhất trí giao cho chị T nuôi con chung là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Do vậy giao cháu C cho chị T nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tiền án phí: chị T là người làm đơn nên phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 10/4/2023, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết.

4. Về tiền án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0007085 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND Quế Nham;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh